

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:35/2020/HS-ST
Ngày 27/4/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Hoàng Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đông

2. Bà Thái Ánh Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Văn D (tên gọi khác: B), sinh năm 1957.

Nơi cư trú: TNH, phường M, thành phố L, tỉnh A; nghề nghiệp: chạy xe mô tô chở khách; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc kinh; giới tính nam; Tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị H; có vợ: Lý Thị Thu V và có 03 người con; Tiền án, tiền sự: chưa; Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Đặng Thành C, sinh năm 1978

Địa chỉ: phường M, thành phố L, tỉnh A (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trương Thị Tuyết N sinh năm 1974

Địa chỉ: phường M, thành phố L, tỉnh A(có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1981

Địa chỉ: phường M, thành phố L, tỉnh A(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 01 năm 2018, Đặng Thành C (T) phạm tội cướp giật tài sản và bỏ trốn. Trong thời gian bỏ trốn, C gọi điện cho Trần Văn D nhờ lo cho C không phải ở tù. Khi nghe C nhờ, D biết rõ không thể lo được cho C nhưng do cần tiền tiêu xài, D nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên nhận lời C, yêu cầu C lo số tiền 10.000.000 đồng thì C sẽ không phải ở tù. C đồng ý và hứa cho thêm D 2.000.000 đồng nếu lo được. Lúc này C cũng đang cần tiền tiêu xài nên kêu D nói với L bạn của C cần số tiền 17.000.000 đồng để lo cho C, C sẽ lo cho D 12.000.000 đồng, C lấy 5.000.000 đồng thì D đồng ý. Ngày 13/01/2018, C gọi điện cho Trương Thị Tuyết N mượn số tiền 10.000.000 đồng và kêu L gặp N lấy tiền đem đến quán cà phê gần cầu Trại Mai thuộc phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ đưa cho D, D nhận 10.000.000 đồng sau đó đưa lại cho C 3.000.000 đồng, D lấy 7.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Đến ngày 01/02/2018, C tiếp tục gọi điện thoại mượn N số tiền 7.000.000 đồng và kêu L lấy đem đến quán cà phê gần cầu số 1 thuộc phường Thới Thuận đưa cho D, D nhận 7.000.000 đồng đưa lại cho C 2.000.000 đồng, D lấy 5.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Sau khi nhận đủ số tiền 12.000.000 đồng thì D không làm gì để lo cho C, đến ngày 08/02/2018 C bị bắt. L làm đơn tố cáo hành vi của D. Tại Cơ quan Công an, D thừa nhận hành vi phạm tội của mình và tự nguyện nộp số tiền 12.000.000 đồng. Tang vật thu giữ: số tiền 12.000.000 đồng do Trần Văn D đã giao nộp.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 19 tháng 02 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt truy tố bị cáo Trần Văn D về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Tại phiên tòa,

Bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là bằng thủ đoạn gian dối bị cáo đã chiếm đoạt của C số tiền 12.000.000 đồng nhằm mục đích tiêu xài cá nhân.

Chị N trình bày: Do mối quan hệ quen biết, chị có cho L mượn số tiền 12.000.000 đồng để đưa cho C, nay chị không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Chị L trình bày: Đề nghị được nhận lại số tiền 12.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt có phân tích mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Trần Văn D phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; áp dụng khoản 1 điều

174, điểm i, s khoản 1, điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Số tiền 12.000.000 đồng, bị cáo đã giao nộp lại nên đề nghị trả lại cho anh C.

Đối với giao dịch dân sự về việc vay tiền giữa chị N, L và C tách ra giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an quận Thốt Nốt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ thể hiện, bằng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin không đúng sự thật về việc có thể giúp C không phải ở tù do C phạm tội ở một vụ án khác trên địa bàn thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bị cáo đã chiếm đoạt của anh C số tiền 12.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Vì vậy, có đủ cơ sở khẳng định Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản luật đã nêu là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa và quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt.

Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bất chấp pháp luật, vì vậy cần có mức án nghiêm cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để răn đe, giáo

dục. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên trong quá trình nghị án, Hội đồng xét xử có xem xét, cân nhắc để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về xử lý tang vật, vật chứng: Số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 12.000.000 đồng, bị cáo đã giao nộp lại nên trả lại cho bị hại là anh Đặng Thành C.

Đối với giao dịch dân sự về việc vay tiền giữa chị N, L và C tách ra giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải nộp theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 174, điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn D phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: Trần Văn D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Về xử lý tang vật, vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho anh Đặng Thành C số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Đối với giao dịch dân sự về việc vay tiền giữa chị N, L và C tách ra giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo. Đối với bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Bị cáo;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- Sở Tư pháp TP. Cần Thơ;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- Cơ quan CSĐT CA quận Thốt Nốt;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Nhà tạm giữ CA quận Thốt Nốt;
- Chi cục THADS quận Thốt Nốt;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Diệp Hoàng Giang